ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 421 /KH-UBND	*Hưng Yên, ngày 11 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Quyết định số 5930/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Văn bản số 3248/LNKL-KHHTQT ngày 26/10/2026 của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm về triển khai thực hiện Chương trình.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với điều kiện tự nhiên, tình hình phát triển kinh tế - xã hội và thực trạng quản lý, sử dụng tài nguyên đất, nước, rừng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, phục hồi và sử dụng bền vững tài nguyên đất; chủ động phòng ngừa, kiểm soát và khắc phục tình trạng thoái hóa đất, nhiễm mặn, nhiễm phèn, xói lở và các yếu tố có nguy cơ dẫn đến sa mạc hóa.

- Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống sa mạc hóa; góp phần phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo đảm sinh kế cho người dân.

2. Yêu cầu

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa; bảo đảm tính khả thi, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và nguồn lực của tỉnh.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đề xuất điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chủ động phòng ngừa, kiểm soát và từng bước khắc phục tình trạng thoái hóa đất, nhiễm mặn, nhiễm phèn, xói lở và các nguy cơ dẫn đến sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh; sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên đất, tài nguyên rừng; bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân; nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, hướng tới phát triển nông nghiệp sinh thái, hiện đại và kinh tế xanh trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2030

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước, năng lực hợp tác, năng lực điều tra, đánh giá, dự báo, giám sát.

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng, chống sa mạc hóa thông qua truyền thông, tập huấn về quản lý, sử dụng đất bền vững.

- Bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có; phục hồi rừng bị suy thoái, trồng mới rừng theo quy hoạch lâm nghiệp nhằm bảo đảm tỷ lệ che phủ 1,56% (tương đương khoảng 4.000ha).

- Củng cố hệ thống công trình thủy lợi ở vùng cửa sông, ven biển nhằm ngăn chặn sự xâm nhập của nước mặn từ biển vào sâu trong nội đồng, bảo vệ nguồn nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, mở rộng vùng chuyên canh thích ứng biến đổi khí hậu và chuyển đổi linh hoạt đất trồng lúa kém hiệu quả sang mô hình thuận thiên.

b) Tầm nhìn đến năm 2050

- Quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên đất; giữ ổn định diện tích rừng hiện có.

- Duy trì ổn định hệ thống công trình thủy lợi ở vùng cửa sông, ven biển nhằm ngăn chặn sự xâm nhập của nước mặn từ biển vào sâu trong nội đồng, bảo vệ nguồn nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp.

- Nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững góp phần xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xanh trên địa bàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Rà soát và hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Rà soát, đánh giá các cơ chế, chính sách hiện hành liên quan đến quản lý và sử dụng tài nguyên đất, bảo vệ đất, phục hồi đất bị suy thoái và phòng, chống

sa mạc hóa.

- Tăng cường lồng ghép nội dung quản lý bền vững tài nguyên đất và chống sa mạc hóa vào quy hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình bảo vệ và phát triển rừng, chương trình phát triển nông nghiệp bền vững và các chương trình liên quan.

2. Tuyên truyền, đào tạo và nâng cao nhận thức cộng đồng

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật về phòng, chống suy thoái đất và sa mạc hóa; sử dụng bền vững tài nguyên đất; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức và cộng đồng dân cư.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng và hướng dẫn kỹ thuật cho cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, cán bộ cơ sở và người dân về các biện pháp phòng ngừa, cải tạo và phục hồi đất bị thoái hóa.

- Phát huy vai trò của cộng đồng dân cư, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong công tác bảo vệ đất, rừng và môi trường.

3. Điều tra, đánh giá hiện trạng thoái hóa đất

- Điều tra, rà soát, đánh giá hiện trạng tài nguyên đất trên địa bàn tỉnh; xác định các khu vực có nguy cơ thoái hóa đất, nhiễm mặn, nhiễm phèn.

- Trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá, đề xuất các giải pháp quản lý, sử dụng đất phù hợp với từng khu vực; ưu tiên bảo vệ đất nông nghiệp.

4. Quản lý tài nguyên đất và giảm thiểu tình trạng đất bị thoái hóa

- Tăng cường quản lý, triển khai các giải pháp quản lý bền vững tài nguyên đất nhằm ngăn chặn, hạn chế tình trạng xâm nhập mặn, phèn hóa đất.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành công trình thủy lợi; rà soát, đề xuất đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa đê bao, cống, kênh mương, trạm bơm theo thẩm quyền và khả năng cân đối nguồn lực nhằm bảo đảm cấp, tiêu nước, hạn chế ngập úng, hạn hán và xâm nhập mặn.

- Xây dựng, nhân rộng mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng phát thải thấp, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và liên kết sản xuất, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp,... Phát triển sản xuất theo hướng thâm canh, công nghệ cao, ứng dụng thực hành nông nghiệp tốt, mở rộng diện tích lúa chất lượng cao; phát triển vùng sản xuất rau, hoa, cây cảnh, ăn quả, thủy sản phù hợp với điều kiện từng địa bàn.

- Hướng dẫn, khuyến khích người dân áp dụng các biện pháp canh tác hợp lý, sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón cân đối và các biện pháp cải tạo đất phù hợp; hạn chế việc lạm dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật và các hoạt động gây ảnh hưởng đến chất lượng đất.

5. Bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học

- Tăng cường quản lý, bảo vệ diện tích rừng hiện có; nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác rừng trái pháp luật.

- Trồng mới, trồng bổ sung và phục hồi rừng ngập mặn tại các khu vực phù hợp với quy hoạch, điều kiện sinh thái và quy định pháp luật.

- Thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Thụy và Tiền Hải; bảo vệ môi trường sống của các loài động vật hoang dã, các loài chim di cư và các loài sinh vật đặc trưng của khu vực ven biển.

- Nghiên cứu, xây dựng và nhân rộng các mô hình quản lý, bảo vệ và phục hồi rừng ngập mặn gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển sinh kế bền vững cho người dân.

6. Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên đất, rừng; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong theo dõi, giám sát, xây dựng, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu về tài nguyên đất, rừng; khuyến khích áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước, các giải pháp cải tạo, phục hồi đất bị suy thoái, sử dụng giống cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu và các quy trình canh tác tiết kiệm tài nguyên, thân thiện với môi trường, góp phần nâng cao hiệu quả phòng, chống suy thoái đất, sa mạc hóa và quản lý, bảo vệ rừng bền vững.

- Tăng cường phối hợp với các viện nghiên cứu, trường đại học, cơ sở đào tạo và các tổ chức khoa học, công nghệ để nghiên cứu, thử nghiệm, chuyển giao và nhân rộng các mô hình, giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện sinh thái và thực tiễn của tỉnh.

IV. NGUỒN VỐN

Ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương); các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; khuyến khích hợp tác trong phục hồi đất và phát triển các mô hình canh tác bền vững; lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án liên quan để thực hiện Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu;

- Chủ trì rà soát, điều tra, đánh giá, xác định các khu vực đất có nguy cơ thoái hóa, nhiễm mặn, nhiễm phèn; đề xuất giải pháp quản lý đất, nước, rừng; hướng dẫn phát triển nông nghiệp thích ứng, bảo vệ và phục hồi rừng ngập mặn; phối hợp xây dựng, cập nhật dữ liệu phục vụ giám sát, cảnh báo; kiểm tra, tổng hợp các chỉ tiêu và đề xuất nhiệm vụ ưu tiên, kinh phí thực hiện theo quy định.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, chủ trì tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định; phối hợp lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án có liên quan.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phòng, chống thoái hóa đất, xâm nhập mặn, bảo vệ và phục hồi rừng; hỗ trợ nghiên cứu, thử nghiệm, chuyển giao, nhân rộng công nghệ, mô hình canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan thúc đẩy ứng dụng công nghệ quan trắc, giám sát, cảnh báo sớm; chuyển đổi số, kết nối và chia sẻ dữ liệu về đất, rừng, nước theo chức năng, nhiệm vụ và quy định pháp luật; huy động sự tham gia của viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp khoa học, công nghệ.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường

- Căn cứ tình hình thực tế, xây dựng kế hoạch triển khai trên địa bàn; rà soát, xác định khu vực có nguy cơ thoái hóa đất, nhiễm mặn, nhiễm phèn và các nhiệm vụ ưu tiên.

- Tuyên truyền, vận động người dân thực hiện biện pháp canh tác bền vững, bảo vệ rừng, sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước; phối hợp kiểm tra, giám sát và cung cấp thông tin phục vụ đánh giá.

- Lồng ghép nhiệm vụ phòng, chống thoái hóa đất và sa mạc hóa với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; định kỳ báo cáo

kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5. Các sở, ban, ngành và cơ quan có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực quản lý.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Lưu: VT, KT2(Phong).

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Văn Hoàn